

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LAI VUNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 08-7-2020

“V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con và cấp dưỡng”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Út.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà: Quang Kim Cúc;

Ông: Nguyễn Chí Công.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cao Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 08 tháng 7 năm 2020 tại phòng xử án của trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 167/2020/TLST-HNGĐ, ngày 20/5/2020, “V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con và cấp dưỡng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị X - Sinh năm: 1985 (có mặt). Địa chỉ: xã H, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Tạm trú: xã P, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Trần Tuấn T - Sinh năm: 1981 (có mặt). Địa chỉ xã H, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23/4/2020; Tờ tường trình ngày 04/6/2020 các lần hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thị X trình bày:

Vào năm 2009 Nguyễn Thị X và Trần Tuấn T tự tìm hiểu và quen nhau rồi được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới năm 2010 và đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại UBND xã H, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, cuộc sống hôn nhân hạnh phúc được khoảng 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn do anh T thường xuyên rượu chè, cò

bạc, vào khoảng tháng 5 năm 2019 chị X biết anh T thường hay mượn nhà trọ ở với người phụ nữ khác thì khi chị X tới nhà trọ tìm anh T thì anh T đi ra ngoài cổng nhà trọ gặp mặt chị X thì anh T đánh chị X nhưng chị X không có báo chính quyền địa phương, sau đó anh T còn trở người phụ nữ đó 02 lần về nhà nhưng không có vào nhà mà chỉ ở ngoài cổng. Anh T thường xuyên đi từ chiều đến sáng mới về, chị X đã nhiều lần khuyên nhưng anh T không thay đổi nên chị X đã về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 4/2020 đến nay, từ những nguyên nhân đó Nguyễn Thị X xin được ly hôn với Trần Tuấn T; về con chung: Có 02 con chung tên Trần Thị Thanh T, sinh ngày 06/10/2011 và Trần Thị Thảo T, sinh ngày 13/3/2013, chị Nguyễn Thị X đồng ý giao 02 con cho anh Trần Tuấn T nuôi và không cấp dưỡng nuôi con; về tài sản và nợ chung Nguyễn Thị X không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên hòa giải và tại phiên Tòa bị đơn Trần Tuấn T trình bày:

Vào năm 2009 anh T và chị X tự tìm hiểu và quen nhau rồi được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại UBND xã H, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, cuộc sống hôn nhân thời gian đầu hạnh phúc nhưng thời gian gần đây cũng xảy ra mâu thuẫn rồi anh T buồn có quan hệ với người phụ nữ khác nhưng chỉ qua đường, anh T cũng đã năn nỉ chị X, lần chị X nói bắt gặp anh T ở nhà trọ là do anh T xin rồi vô nhà trọ ngủ thôi chứ không có ngủ với ai, còn việc người phụ nữ đó đến nhà là do người phụ nữ đó tự tìm đến chứ anh T không có dẫn về, những tấm hình mà chị X cung cấp cho Tòa án, hình mặc đồ cưới là do người ta mượn anh T chụp chung thôi, còn những tấm hình kia là anh T có đến nhà người phụ nữ đó chơi rồi chụp chung chơi vậy thôi; anh T cũng có thường xuyên uống rượu chứ không có cờ bạc, từ ngày chị X bỏ về nhà mẹ ruột chị đến nay anh T đã thay đổi không còn qua lại với người phụ nữ nào nên muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng anh T còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn với chị X; về con chung: Có 02 con chung tên Trần Thị Thanh T, sinh ngày 06/10/2011; Trần Thị Thảo T, sinh ngày 13/3/2013, nếu Tòa án cho ly hôn thì anh T đồng ý nuôi 02 con và không yêu cầu Nguyễn Thị X cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản và nợ chung Trần Tuấn T không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Nguyễn Thị X và Trần Tuấn T kết hôn và tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình sống chung có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là anh T thường xuyên rượu chè, cờ bạc không lo vợ con và anh T còn quen với người phụ nữ khác việc này anh T cũng thừa nhận; nên vợ chồng thường hay cự cãi, không hạnh phúc chị

X đã bỏ về nhà cha mẹ ruột ở từ tháng 4/2020 đến nay, anh T không đồng ý ly hôn, nhưng từ khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn đến nay anh T cũng không có biện pháp nào hàn gắn được nên nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài. Mặc dù, Tòa án đã kiên trì hòa giải nhưng Nguyễn Thị X vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với Trần Tuấn T, hôn nhân mâu thuẫn là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được, cho nên việc Nguyễn Thị X yêu cầu ly hôn là thỏa mãn các điều kiện theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Nguyễn Thị X là có căn cứ.

[2] Về con chung: Nguyễn Thị X và Trần Tuấn T có 02 con chung tên Trần Thị Thanh T, sinh ngày 06/10/2011; Trần Thị Thảo T, sinh ngày 13/3/2013. Chị Nguyễn Thị X đồng ý giao 02 con cho anh Trần Tuấn T nuôi dưỡng, anh Trần Tuấn T đồng ý tiếp tục nuôi hai con. Trần Thị Thanh T; Trần Thị Thảo T có văn bản ý kiến muốn tiếp tục sống chung với cha. Xét sự thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, anh Trần Tuấn T được tiếp tục nuôi 02 con chung tên Trần Thị Thanh T, sinh ngày 06/10/2011; Trần Thị Thảo T, sinh ngày 13/3/2013 là có căn cứ, đúng theo quy định với Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về cấp dưỡng: Nguyễn Thị X không trực tiếp nuôi con đáng lý ra phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình, nhưng Trần Tuấn T không yêu cầu chị Nguyễn Thị X cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Nguyễn Thị X và Trần Tuấn T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Nguyễn Thị X và Trần Tuấn T cho rằng không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn Nguyễn Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là có căn cứ, phù hợp với khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyễn Thị X được ly hôn với Trần Tuấn T.

2. Về con chung: Trần Tuấn T được quyền tiếp tục nuôi 02 con tên Trần Thị Thanh T, sinh ngày 06/10/2011; Trần Thị Thảo T, sinh ngày 13/3/2013.

Trần Tuấn T và các thành viên trong gia đình không được cản trở chị Nguyễn Thị X trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con khi ly hôn.

3. Về án phí và tạm ứng án phí sơ thẩm: Nguyễn Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà Nguyễn Thị X đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0005001, ngày 14/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (Nguyễn Thị X đã nộp xong).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 08/7/2020).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND huyện LV;
- CCTHADS huyện LV;
- UBND xã Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

Nguyễn Văn Út

